

Biểu số
18b/TP/PC
Ban hành theo
Thông tư số
17/2025/TT-BTP
Ngày nhận báo
cáo (BC):
BC sơ bộ năm:
Ngày 10 tháng 11
năm báo cáo
BC tròn năm:
Ngày 10 tháng 01
năm sau

SỐ TỔ CHỨC VÀ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC PHÁP CHẾ TẠI CƠ
QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND CẤP TỈNH,
DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
Ở TỈNH/THÀNH PHỐ
(Sơ bộ năm/tròn năm)

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày... tháng... năm...
đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
- Văn phòng UBND
tỉnh/thành phố...
- Thanh tra tỉnh/thành phố...
- Sở...
Đơn vị nhận báo cáo:
- Sở Tư pháp...

		Mô hình tổ chức pháp chế (Đơn vị)	Số công, chức viên chức làm công tác pháp chế (Người)	Ghi chú
--	--	---	---	----------------

	UBND cấp tỉnh																
II	Tại Doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh/thành phố quản lý													-	-	-	
	Tên Doanh nghiệp..													-	-	-	
	...													-	-	-	
II I	Tại đơn vị sự nghiệp công lập do UBND tỉnh/thành phố quản lý													-	-	-	
	Tên đơn vị sự nghiệp công lập...													-	-	-	

	...													-	-	-	
I V	Tại đơn vị sự nghiep công lập do cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh quản lý													-	-	-	
	Tên đơn vị sự nghiep công lập...													-	-	-	
	...													-	-	-	

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo số liệu tại dòng I và tổng hợp số liệu tại dòng IV; UBND cấp tỉnh báo cáo số liệu tại dòng I và tổng hợp số liệu tại dòng II và dòng III; DNNN, Đơn vị sự nghiệp công lập không phát sinh số liệu tại các cột 13, 14, 15.

***Ghi chú:**

**Người lập
biểu**
(Ký, ghi rõ
họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ,
tên)

..., ngày tháng
 năm
THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ
họ, tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 18b/TP/PC

**Số tổ chức và người làm công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,
doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh/thành phố**

1. Khái niệm, phương pháp tính

Biểu số 18b/TP/PC phản ánh tình hình tổ chức và người làm công tác pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập ở tỉnh/thành phố theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2024/NĐ-CP.

2. Cách ghi biểu:

Cột (1): Ghi rõ số tổ chức pháp chế tương ứng với từng đối tượng; trường hợp không có tổ chức pháp chế thì ghi số 0.

Cột (2): Ghi rõ số bộ phận pháp chế tương ứng với từng đối tượng; trường hợp không có bộ phận pháp chế thì ghi số 0.

Cột (3): Trường hợp đơn vị chưa có tổ chức/bộ phận pháp chế nhưng cử công chức, viên chức kiêm nhiệm thì ghi số 1; không cử công chức, viên chức kiêm nhiệm thì ghi số 0.

Cột 4 = Cột (5 + 6) = Cột (7+8 + 9) = Cột (10+11) = Cột (12+13+14+15).

Cột (7), (8), (9): trong trường hợp cán bộ pháp chế vừa có chuyên môn luật vừa có chuyên môn khác thì chỉ thống kê theo chuyên môn Luật.

Ví dụ: một cán bộ pháp chế vừa có bằng luật vừa có bằng kinh tế thì chỉ tính là 1 người và thống kê vào cột (7) hoặc cột (8).

3. Nguồn số liệu

Tổng hợp từ biểu mẫu 18a/TP/PC của các doanh nghiệp Nhà nước do UBND tỉnh/thành phố quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập do UBND tỉnh/thành phố quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan chuyên môn của UBND cấp tỉnh quản lý.